

Bản án số: **44/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 29/4/2025

V/v “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Ngọc Hiền.

Bà Nguyễn Hà Quế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông La Minh Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 18/TB-TA ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1999.

Địa chỉ thường trú: tổ A, ấp A, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: 9 Đ, tổ H, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Li R, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: tổ B, thôn T, thị trấn T, huyện D, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

(*Các đương sự vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Li R quen nhau, chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số

18/2019 ngày 06/6/2019. Trong thời gian chung sống, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về lối sống, quan điểm nên đã sống ly thân với nhau 03 năm trở lại đây, ông Li R đã trở về Trung Quốc sinh sống không trở lại Việt Nam nữa. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Li R, hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Li R.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Li R đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật thông qua việc ủy thác tư pháp. Tuy nhiên, ông Li R không có mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:***

- Về việc thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán chủ tọa điều hành phiên tòa đúng quy định, đảm bảo sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về thủ tục tố tụng và thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Đặng Thị Thanh T và ông Li R kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 18/2019 ngày 06/6/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn bà Đặng Thị Thanh T và ông Li R phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về lối sống, quan điểm nên đã sống ly thân với nhau 03 năm trở lại đây, ông Li R đã trở về Trung Quốc sinh sống không trở lại Việt Nam, từ đó cho đến nay ông Li R và bà T không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông Li R, hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Li R. Xét thấy giữa bà T với ông Li R sống xa cách nhau về vị trí địa lý, sống ly thân không có liên lạc với nhau đến nay đã nhiều năm, cuộc sống hôn nhân không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông Li R là có cơ sở.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Thanh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chưa có lời khai của ông Li R nên chưa xác

định được nên không giải quyết mà tách ra giải quyết riêng khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Li R đã được tổng đạt văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thanh T và ông Li R kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 18/2019 ngày 06/6/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết là có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi đăng ký kết hôn thì giữa bà Đặng Thị Thanh T và ông Li R phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về lối sống, quan điểm nên đã sống ly thân với nhau 03 năm trở lại đây, ông Li R đã trở về Trung Quốc sinh sống không trở lại Việt Nam, từ đó cho đến nay ông Li R và bà T không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông Li R, hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Li R.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Li R đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết tại Đ tại Trung Quốc nhưng đến nay vẫn không có thông tin phản hồi về tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy ông Li R cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T nữa.

Xét thấy, hiện nay tình cảm giữa bà T với ông Li R không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn ông Li R không có lời khai nên tách ra, không giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 228, 238, 464, 469, 476, 478, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 122, 123, 127, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị Thanh T với ông Li R. Bà Đặng Thị Thanh T được ly hôn đối với ông Li R.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do không có lời khai của bị đơn nên tách ra, không giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Bà Đặng Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000216 ngày 19/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà Đặng Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; ông Li R được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND H. Vĩnh Cửu;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa